TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2019.
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Ly.

Ông Trần Văn Lâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Hồng Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lý Thanh T; Cư trú: Số 7, ấp Tân Q, xã Tân H, huyện Long P, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Châu Thị Mỹ T; Cư trú: Ấp Bưng C, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lý Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015, anh Lý Thanh T và chị Châu Thị Mỹ T có tổ chức lễ cưới, đến ngày 24/12/2015 anh chị đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T cấp giấy chứng nhận kết hôn, là hôn nhân tự nguyện. Trong khoảng thời gian đầu anh chị sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến tháng 11/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp, anh chị thường xuyên cãi vã nên anh T và chị T không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2017 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị T có 01 con chung tên Lý Đình P, sinh ngày 11/02/2017, hiện nay đang sống chung với chị T.

Về tài sản chung: Anh T và chị T tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Anh Lý Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Thanh T yêu cầu được ly hôn với chị Châu Thị Mỹ T.

- Về con chung: Anh T đồng ý giao con chung tên Lý Đình P, sinh ngày 11/02/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh T đồng ý cấp dưỡng cho cháu P 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh T và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời ngày 14 tháng 3 năm 2019 chị Châu Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 174 ngày 24/12/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau khi sinh con được 3 tháng, khoảng tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T sinh con nên nằm viện, chị T có nói với anh T là sao chị T sinh mà mẹ chồng không đến thăm chị T và con, nên anh T giận lấy điện thoại chọi trúng vào đầu chị, rồi anh chị lời qua tiếng lại anh T bỏ về nhà cha mẹ ruột anh T sinh sống, ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh T có 01 con chung tên Lý Đình P, sinh ngày 11/02/2017 hiện nay đang sống chung với chị T. Về tài sản chung và nợ chung không có. Qua yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị T không đồng ý vì chị T còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn giữa chị T và anh T là mâu thuẫn nhỏ chưa phải ly hôn. Về con chung chị T thống nhất với anh T đồng ý tiếp tục nuôi con, đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chị Châu Thị Mỹ T chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lý Thanh T. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con Lý Đình P, sinh ngày 11/02/2017 là 1.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn chị Châu Thị Mỹ T đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của chị T không ảnh hưởng cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Châu Thị Mỹ T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại ấp Bưng C, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Thanh T và chị Châu Thị Mỹ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 174 ngày 24/12/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T.

[4] Xét lý do xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn anh T và chị T chung sống với nhau có 01 người con chung. Tuy nhiên, anh T và chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2017, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, anh chị thường xuyên cãi vã, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 11/2017 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương nơi anh T và chị T sinh sống, chính quyền địa phương cho biết: Anh T và chị T mâu thuẫn vấn đề gì thì địa phương không rõ. Theo địa phương biết thì anh T cương quyết ly hôn còn chị T nhiều lần yêu cầu anh T hàn gắn nhưng anh T không đồng ý. Toà án đã triệu tập anh T và chị T 02 lần để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị T không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ, chị T muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng thì chị T phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, để vợ chồng gặp mặt bàn bạc, giải quyết vấn đề mâu thuẫn của vợ chồng từ đó hàn gắn về chung sống lại với nhau. Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án triệu tập chị T đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt. Chị T không đồng ý ly hôn nhưng chị T thống nhất với anh T đồng ý tiếp tục nuôi con, đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, cho thấy chị T cũng biết khả năng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh T và chị T cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị T có 01 con chung tên Lý Đình P, sinh ngày 11/02/2017, hiện nay cháu P đang sống chung với chị T. Anh T đồng ý giao con chung Lý Đình P, sinh ngày 11/02/2017 cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu P đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì cháu P còn quá nhỏ dưới 36 tháng tuổi, điều kiện chăm sóc của anh T không thuận lợi bằng chị T, từ khi sinh cháu P ra do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định về mặt vật chất cũng như tinh

thần, hơn nữa chị T cũng đồng ý tiếp tục nuôi con. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu P. Căn cứ khoản 2 và 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T và chị T tiếp tục giao con chung tên Lý Đình P, sinh ngày 11/02/2017 cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T là người không trực tiếp nuôi con, nên anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con Lý Đình P, sinh ngày 11/02/2017 cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2019) cho đến khi cháu Lý Đình P, sinh ngày 11/02/2017 tròn 18 tuổi.

[8] Về tài sản chung: Anh T và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh T là người có đơn xin ly hôn anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2, 3 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lý Thanh T và chị Châu Thị Mỹ T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T và chị T giao con chung tên Lý Đình P, sinh ngày 11/02/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Lý Thanh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2019) cho đến khi cháu Lý Đình P tròn 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lý Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004863 ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Anh Lý Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn chị Châu Thị Mỹ T thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Phú M, huyện Mỹ T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh